|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNHUYỆN DUY XUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| #SoKyHieuVanBan | *#DiaDiemNgayBanHanh* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**

**năm 2025 đối với xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về Ban hành Bộ tiêu chí về xã NTM giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về Ban hành Quy định đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam Ban hành Bộ tiêu chí về xã NTM nâng cao giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về Ban hành Quy định đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết đinh số 2429/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam Quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam Ban hành Bộ tiêu chí “Thôn NTM kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc sửa đổi, bổ sung về khu vực áp dụng và một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí về xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM nâng cao giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu và thôn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Thực hiện Công văn số 633/UBND-NNMT ngày 29/4/2025 của UBND huyện Duy Xuyên về việc thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2025 đối với xã Duy Trung;

Theo đề nghị của UBND xã Duy Trung tại Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 26/4/2025 về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Duy Trung đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2025.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Duy Trung, UBND huyện Duy Xuyên báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2025 đối với xã Duy Trung, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025).

**1. Về hồ sơ**

Hồ sơ minh chứng các tiêu chí xã NTM nâng cao năm 2025 của xã Duy Trung đảm bảo đúng và đầy đủ theo yêu cầu của Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.

**2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Huyện uỷ Duy Xuyên đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 12/10/2022 về Ban hành Nghị quyết xây dựng huyện Duy Xuyên đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao năm 2025; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/12/2023 của HĐND huyện về ban hành Nghị quyết xây dựng huyện Duy Xuyên đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao vào năm 2025; Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện Duy Xuyên về xây dựng huyện Duy Xuyên đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao vào năm 2025. Với sự chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, đến thời điểm tháng 04/2025, xã Duy Trung đã hoàn thành việc duy trì nâng chuẩn 19/19 tiêu chí xã NTM và đạt chuẩn 19/19 tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2022-2025.

**3. Về kết quả duy trì, nâng chuẩn tiêu chí xã nông thôn mới**

Xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên được UBND tỉnh Quảng Nam công nhận đạt chuẩn NTM năm 2018 tại Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh. Qua kết quả thẩm tra, xã Duy Trung đảm bảo duy trì chuẩn 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới theo bộ tiêu chí giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định 2072/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về Ban hành Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

(*Kèm theo Biểu tổng hợp kết quả duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn các tiêu chí xã NTM trên địa bàn xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên năm 2025*)

**4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

Theo kết quả thẩm tra, xã Duy Trung đạt chuẩn bộ tiêu chí xã NTM nâng cao theo quy định là 19/19 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

**4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Chỉ tiêu 1.2: Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Chỉ tiêu 1.3:Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên

***b) Kết quả thực hiện***

- Chỉ tiêu 1.1: Giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, UBND xã Duy Trung đã tổ chức lập hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Duy Xuyên phê duyệt tại Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 21/02/2023, đến nay hồ sơ đồ án được công bố công khai đảm bảo theo quy định.

 - Chỉ tiêu 1.2: Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch xã Duy Trung được ban hành kèm theo Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND huyện Duy Xuyên về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

UBND xã đã công bố quy hoạch đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn xã về thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch,nhất là việc xây dựng nhà cửa, tường rào cổng ngõ, từ đó cho đến nay cơ bản ổn định, một số trường hợp vi phạm lấn chiếm, xây dựng sai quy định đều được xử lý buộc phá dỡ trả khắc phục lại hiện trạng ban đầu.

- Chỉ tiêu 1.3: Trên địa bàn xã Duy Trung có Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư Thương mại dịch vụ Tây Cầu chìm tại Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND huyện Duy Xuyên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và ban hành Quy định quản lý theo quy hoạch Khu dân cư Thương mại dịch vụ Tây Cầu chìm, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch.

**4.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 2.1:Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định.

- Chỉ tiêu 2.2:Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt tỷ lệ 100% và có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Chỉ tiêu 2.3:Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch – đẹp ≥ 90% .

- Chỉ tiêu 2.4: Tỷ lệ đường trục chính nội đồng (hoặc đường vào khu sản xuất tập trung đối với xã miền núi) được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa ≥75%.

***b) Kết quả thực hiện***

**\* Chỉ tiêu 2.1:**

Trên địa bàn xã có 03 tuyến đường xã (ĐX) với tổng chiều dài 5,88km đã được bê tông hóa 100%. Hằng năm 100% các tuyến đường xã (ĐX) đều được UBND xã xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo giao thông thuận lợi.

Trong những năm qua được sự quan tâm của tỉnh, huyện đã đầu tư nâng cấp, mở rộng 0,91 km các tuyến đường trục xã xuống cấp cụ thể đó là: Tuyến đường Đội 5 – Bà Tuyết; Công an huyện – Cầu Khấu; Bà Thống – Nguyễn Quang quy mô mặt đường BTXM rộng 5,5m, lề đường mỗi bên rộng từ 0,5-1m. Các tuyến đường trục xã đạt các yêu cầu như:

- Các tuyến đường xã (ĐX) có lề đường đều được trồng cây xanh (cây bóng mát) như bằng lăng, cau, phượng, ... cây cách cây 10 m, đạt 80% (4,70km/5,88km).

- Đầu các tuyến đường xã (ĐX) đều được gắn biển chỉ dẫn, các điểm giao nhau giữa đường xã với đường thôn có biển báo giao thông.

- Các tuyến đường xã đều có hệ thống điện chiếu sáng 100% (5,88km) đảm bảo mỹ quan nông thôn, đảm bảo an toàn cho bà con nhân dân đi lại.

- Mỗi tuyến đường xã đều được giao cho mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội ở xã, thôn phụ trách từng tuyến đường, vì vậy hằng tuần, hằng tháng mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội ở xã, thôn thường xuyên phát động ra quân phát dọn,vệ sinh môi trường đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp.

**\* Chỉ tiêu 2.2:**

Trên địa bàn xã có 18 tuyến đường thôn và đường liên thôn với tổng chiều dài 8,24km đã được bê tông hóa 100%. Hằng năm 100% các tuyến đường thôn và đường liên thôn đều được UBND xã xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, từ đó những chỗ hư hỏng, xuống cấp được khắc phục sữa chữa, kịp thời, đảm bảo thuận lợi cho giao thông đi lại của nhân dân.

Trong những năm qua lồng ghép các chương trình đề án phát triển GTNT của tỉnh, huyện và nguồn vốn xây dựng NTM đã đầu tư nâng cấp BTXM các tuyến đường: tuyến Tiểu Học - Ông Sáng với chiều dài 355m, rộng lề 0,5-1,5m và một số tuyến đường khác trên địa bàn xã. Các tuyến đường trục thôn đều đạt các yêu cầu như sau:

- Các tuyến đường thôn và đường liên thôn có lề đường đều được trồng cây xanh (cây bóng mát), trồng hoa như bằng lăng, móng bò tím, hoa giấy, mai vạn phúc, bằng lăng thái, hoa trang... cây cách cây 10 m, đạt 72% (5,93km/8,24km).

- Đầu các đường trục chính của thôn và đường liên thôn được gắn biển chỉ dẫn, các điểm giao nhau có biển báo giao thông.

- Các tuyến đường thôn và đường liên thôn đều có hệ thống điện chiếu sáng 100% (8,24km), đảm bảo mỹ quan nông thôn, đảm bảo an toàn cho bà con nhân dân đi lại.

- Mỗi tuyến đường thôn và đường liên thôn đều được giao cho các chi hội, đoàn thể ở thôn phụ trách từng tuyến đường, vì vậy hằng tuần, hằng tháng các chi hội đoàn thể thường xuyên phát động ra quân phát dọn,vệ sinh môi trường đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp.

**\* Chỉ tiêu 2.3:**

Trên địa bàn xã có tổng cộng 35 tuyến đường ngõ xóm, với tổng chiều dài 14,63km, đã được bê tông hóa 14,63km đạt tỷ lệ 100%.

 Để đảm bảo việc đi lại của nhân dân trên địa bàn xã, hằng năm UBND xã xây dựng kế hoạch nâng cấp, sữa chữa các tuyến đường ngõ xóm đã bê tông hóa trước đây theo Quyết định 19/QĐ-UBND từ những năm 2000 đã bị hư hỏng, xuống cấp, đồng thời nhiều tuyến đường được làm mới theo đề án GTNT của tỉnh, huyện và nguồn vốn NTM. Các tuyến đường đạt các yêu cầu như:

- Nhiều tuyến đường ngõ xóm cũng được các Ban thôn và bà con nhân dân trồng cây xanh, trồng hoa 02 bên đường,

- Hầu hết các tuyến đường ngõ xóm đều đều có hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo mỹ quan nông thôn, đảm bảo an toàn cho bà con nhân dân đi lại.

- Các tuyến đường ngõ, xóm được nhân dân sống xung quanh thường xuyên quét dọn đảm bảo vệ sinh môi trường.

**\* Chỉ tiêu 2.4:**

Trên địa bàn xã có tổng cộng 23 tuyến giao thông nội đồng, với chiều dài 10,74km đường giao thông nội đồng phục vụ đi lại sản xuất của nhân dân, trong những năm qua bằng các nguồn vốn lồng ghép từ Chương trình MTQG XD NTM và các đề án của tỉnh, huyện đã đầu tư bê tông hóa được 9,59km đường giao thông nội đồng đạt tỷ lệ 89,3%, còn lại 1,15km đường GTNĐ là đường đất chưa cứng hóa nhưng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận lợi. Trong thời gian đến xã tiếp tục vận động nhân dân hiến đất mở mới các tuyến đường GTNĐ và lồng ghép các chương trình dự án để nâng cấp cứng hóa đảm bảo đi lại sản xuất và vận chuyển hàng hóa của nhân dân.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 2 về giao thông.

**4.3. Tiêu chí số 3 về Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 3.1:Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 90% trở lên.

- Chỉ tiêu 3.2:Có ít nhất 01 tổ chức thuỷ lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Chỉ tiêu 3.3: Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ≥ 20%.

- Chỉ tiêu 3.4:Có 100% số công trình thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (công trình do xã quản lý).

- Chỉ tiêu 3.5: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào các công trình thuỷ lợi.

- Chỉ tiêu 3.6: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt loại khá.

***b) Kết quả thực hiện***

- Chỉ tiêu 3.1: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100% (693,53 ha/693,53 ha).

- Chỉ tiêu 3.2: Trên địa bàn xã Duy Trung có HTX NN Duy Trung I hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi, có quy chế hoạt động thủy lợi, có quy chế được UBND xã xác nhận. HTX phân công cán bộ phụ trách công tác thủy lợi và có kinh nghiệm trong công tác quản lý thủy lợi.

- Chỉ tiêu 3.3: Căn cứ Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 về Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực huyện Duy Xuyên, theo đó Cây trồng chủ lực của xã Duy Trung là lúa được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 100% (620/620 ha). Thực hiện mô hình tưới ướt - khô xen kẽ; “ 3 giảm, 3 tăng” và “1 phải, 5 giảm” trên toàn bộ diện tích chủ động nước tưới của xã.

- Chỉ tiêu 3.4: Số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (công trình do xã quản lý): đạt 100%. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng hằng năm để dẫn nước tưới, giảm thiểu tiêu hao nước đảm bảo phục vụ nhân dân sản xuất. Trong những năm qua bằng các nguồn vốn hỗ trợ của tỉnh, huyện, UBND xã đã từng bước đầu tư nâng cấp đến nay cơ bản hệ thống kênh mương trên địa bàn xã đảm bảo việc vận hành nước tưới, đồng thời ngay từ đầu năm Ban Nông nghiệp xã, Tổ hợp tác thủy lợi đều có xây dựng kế hoạch nâng cấp, sửa chữa, và bảo trì các tuyến kênh mương trên địa bàn xã bị hư hỏng do mưa lũ, bồi lấp để đảm bảo vận hành nước tưới của vụ Đông Xuân và Hè Thu của từng năm.

- Chỉ tiêu 3.5: Hằng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm kê kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn xã đồng thời chỉ đạo các Ban thôn thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân, chấp hành tốt Luật bảo vệ môi trường, không xả thải ra các tuyến mương, các công trình thuỷ lợi. Hiện nay trên địa bàn xã Duy Trung không có công trình xả thải trực tiếp vào công trình thủy lợi.

- Chỉ tiêu 3.6: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Hằng năm xã bổ sung BCH phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được lập theo quy định (Quyết định số 197/QĐ-UBND, ngày 02/7/2024), phân công cụ thể trách nhiệm của từng thành viên, kế hoạch phòng chống thiên tai được duyệt, có phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai, các hộ dân thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng được phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai, có các trang thiết bị, vật tư thiết yếu phục vụ công tác phương châm 4 tại chỗ (Phương án số 02/PA-BCH ngày 05/7/2024).

Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai xã luôn chấp hành nghiêm túc các Công
điện, Chỉ thị, Văn bản chỉ đạo của TW, tỉnh, huyện và các ban ngành cấp
trên về công tác phòng chống thiên tai, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến thời
tiết mưa, bão, hạn hán. UBND xã đã cụ thể hoá và giao cho Ban Chỉ huy PCTT
&TKCN xã triển khai ngay các phương án ứng phó với các đợt nắng nóng, hạn
hán kéo dài, các đợt mưa lũ trong năm để kịp thời chỉ đạo, tuyên truyền nhân
dân trong công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn xã.

Đảm bảo tất cả các mục yêu cầu “có” và tổng số điểm đánh giá về công tác phòng chống thiên tai là 84 điểm.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 3 về thuỷ lợi và phòng chống thiên tai.

**4.4. Tiêu chí số 4 về Điện**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định ≥ 99%.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

Hiện nay, điện sinh hoạt, điện sản xuất trên địa bàn xã đều do Điện lực Duy Xuyên cung cấp quản lý, vận hành, bảo dưỡng, hằng năm đều có kế hoạch nâng cấp sữa chữa, bảo trì hệ thống điện trên địa bàn xã đảm bảo nhu cầu sử dụng điện của nhân dân, đến nay trên địa bàn xã có 2.290 hộ /2.290 hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt tỷ lệ 100%.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 4 về điện.

**4.5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 5.1:Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS ) đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 (100%) và có ít nhất 01 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Chỉ tiêu 5.2:Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Chỉ tiêu 5.3:Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3.

- Chỉ tiêu 5.4:Đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.

- Chỉ tiêu 5.5:Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá.

- Chỉ tiêu 5.6:Có ít nhất 01 mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

***b) Kết quả thực hiện***

- Chỉ tiêu 5.1:

Hiện nay, trên địa bàn xã Duy Trung có 03 trường học bao gồm trường Mẫu
giáo Duy Trung, trường Tiểu học Duy Trung và trường THCS Lương Thế Vinh, trong
đó có 1/3 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và 2/3 trường đạt chuẩn quốc gia mức
độ 2, cụ thể:

+ Trường Mẫu giáo Duy Trung đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức
độ 2 tại Quyết định số 1319/QĐ-SGDĐT ngày 31/5/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh
Quảng Nam.

+ Trường Tiểu học Duy Trung đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức
độ 2 vào năm 2017. Năm 2025, trường được Đoàn kiểm tra đánh giá ngoài của
Sở GDĐT về kiểm tra, đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào ngày 24/3/2025 (đã có Báo cáo kết quả khảo sát chính thức của Sở GDĐT và đang chờ
Quyết định công nhận).

+ Trường THCS Lương Thế Vinh đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia
mức độ 2 tại Quyết định số 1820/QĐ-SGDĐT ngày 19/10/2022 của Sở GD&ĐT
tỉnh Quảng Nam.

- Chỉ tiêu 5.2: Xã Duy Trung đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2024 tại Quyết định số 7063/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND huyện Duy Xuyên về việc công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD, xóa mù chữ huyện Duy Xuyên năm 2024.

- Chỉ tiêu 5.3: Xã Duy Trung đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3 năm 2024 tại Quyết định số 7063/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND huyện Duy Xuyên về việc công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD, xóa mù chữ huyện Duy Xuyên năm 2024.

- Chỉ tiêu 5.4: Xã Duy Trung đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2 năm 2024 tại Quyết định số 7063/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND huyện Duy Xuyên về việc công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD, xóa mù chữ huyện Duy Xuyên năm 2024.

- Chỉ tiêu 5.5: Năm 2024 “Cộng đồng học tập” xã Duy Trung được công nhận đạt Mức độ 1 theo Quyết định số 68/QĐ-GDĐT ngày 28/3/2025 của Phòng GDĐT huyện Duy Xuyên.

- Chỉ tiêu 5.6: Hiện nay trên địa bàn xã có các Câu lạc bộ TDTT tại Trường Tiểu học Duy Trung và trường THCS Lương Thế Vinh.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 5 về Giáo dục.

**4.6. Tiêu chí số 6 về Văn hoá**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 6.1:Có lắp đặt các dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời (ít nhất 03 dụng cụ/điểm) ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên.

- Chỉ tiêu 6.2:Di sản văn hoá được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Chỉ tiêu 6.3: Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

***b) Kết quả thực hiện***

**\* Chỉ tiêu 6.1:**

+ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Duy Trung được thành lập tại Quyết định số 5804/QĐ-UBND ngày 16/6/2017; Quyết định số 4490/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của UBND huyện về bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Văn hoá-Thể thao xã Duy Trung; Trung tâm VH-TT xã ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm, hoạt động thường xuyên phục vụ các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao của địa phương đạt hiệu quả. Trung tâm văn hoá xã gồm có 3 phòng chức năng: phòng thư viện, phòng hành chính và phòng truyền thông – thông tin. Hội trường nhà văn hóa đa năng, diện tích 600m­­2, diện tích xây dựng 350m2, đảm bảo 250 chỗ ngồi; có đầy đủ bàn ghế ngồi, trang trí khánh tiết, hệ thống âm thanh, ánh sáng, phông chính hội trường vừa được đầu tư làm mới bằng ván MDF với diện tích 34m2, màn hình led 6m2 và các trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, có trồng cây xanh, nhà vệ sinh; hằng năm có xây dựng kế hoạch tổ chức tốt các hoạt động VHVN-TDTT và thực hiện các nhiệm vụ chính trị khác.

+ Khu thể thao xã có chiều dài 140m, chiều rộng 100m; có trồng cây xanh bóng mát; sân bóng đá 11 người, sân khấu ngoài trời… Hiện có 01 sân bóng chuyền, có đầy đủ dụng cụ như lưới, bóng, vợt,… phục vụ cho việc tập luyện vui chơi thể thao của thanh thiếu niên và người cao tuổi. Khu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi của xã được bố trí trước khu Trung tâm văn hóa - Thể thao xã gồm 10 dụng cụ tập luyện TDTT cho người già và trẻ em, được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và xã hội hóa đảm bảo phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí.

+ Trung tâm duy trì thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phấn đấu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Hằng năm Trung tâm đều xây dựng kế hoạch hoạt động, phối hợp với các ngành, đoàn thể địa phương tổ chức tốt các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhân các sự kiện chào mừng các ngày lễ trọng đại của đất nước, của địa phương.

+ Ngoài ra Trung tâm còn hướng dẫn 04 thôn, các trường học trên địa bàn xã tổ chức các hoạt động VHVN – TDTT, tuyên truyền trực quan treo cờ, khẩu hiệu chào mừng các ngày lễ. Hằng năm phối hợp với các thôn, trường học trên địa bàn mỗi năm tổ chức được từ 5 đêm văn nghệ trở lên chào mừng các ngày lễ của đất nước, của địa phương vận động thu quỹ trên 200 triệu đồng. Hiện có 04 câu lạc bộ TD dưỡng sinh của NCT hoạt động rất sôi nổi, thường xuyên tổ chức giao lưu với các đơn vị trong và ngoài địa phương, 04 Câu lạc bộ Dân vũ của chị em Phụ nữ, 01 Câu lạc bộ bóng đá thanh niên, 01 Câu lạc bộ bóng đá FC1H thôn Trung Đông. Các CLB hằng năm tổ chức rất nhiều các hoạt động giao lưu, thi đấu, tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho mọi tầng lớp nhân dân.

+ Trên địa bàn xã có 7 nhà sinh hoạt văn hóa/4 thôn được đầu tư xây dựng từ năm 2010 và khu thể thao các thôn. Hằng năm thôn có kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động VHVN, TDTT đáp ứng được nhu cầu của người dân. Nhà văn hoá các thôn được lắp đặt các dụng cụ thể thao cho trẻ em và người già, trang bị hệ thống đèn cao áp, nhà văn hoá phục vụ cho nhân dân truy cập miễn phí, tủ sách báo thu hút người dân đến tham gia đạt trên 3.500 lượt/năm.

**\* Chỉ tiêu 6.2:**

+ Trên địa bàn xã Duy Trung có di tích khảo cổ Gò Cấm – Mậu Hòa được UBND tỉnh công nhận tại Quyết định số 4265/QĐ/UBND/2005 ngày 21/11/2005, địa phương tiến hành thành lập Tổ quản lý di tích, UBND xã đều có kế hoạch phối hợp với Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin phát huy giá trị di tích tăng cường công tác quản lý nhà nước về di tích nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường trong di tích, hạn chế tình trạng xâm hại di tích, góp phần gìn giữ các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn.

+ Công tác tuyên truyền để người dân nâng cao ý thức đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị các di tích cũng đã được thực hiện thông qua tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã như: tuyên truyền phổ biến Luật Di sản văn hóa, bên cạnh đó địa phương tăng cường tuyên truyền trong các buổi họp nhân dân.

+ Địa phương hiện nay có 5 di tích đã có trong Quyết định 3029/QĐ-UBND Ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về ban hành danh mục di tích đăng ký bảo vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2024-2029, trong đó xã Duy Trung có 05 di tích gồm: Địa điểm vụ thảm sát Cầu Chìm; Khu mộ táng văn hoá Sa Huỳnh –Gò Mả Vôi; Mộ Nguyễn Đức Huy. Ngoài ra, công tác tuyên truyền để người dân nâng cao ý thức đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị các di tích cũng đã được thực hiện thông qua tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã như: tuyên truyền phổ biến Luật Di sản văn hóa, bên cạnh đó địa phương tăng cường tuyên truyền trong các buổi họp nhân dân.

+ Tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới nâng cao, trên địa bàn xã không có hoạt động khiếu nại, khiếu kiện về di tích, không vi phạm trong các hoạt động tu bổ tôn tạo di tích; bảo vệ, phát huy giá trị di tích theo quy định.

**\* Chỉ tiêu 6.3:**

Năm 2023, có 4/4 thôn đạt thôn văn hoá đạt tỷ lệ 100%. Năm 2024 trên có 4/4 thôn đạt thôn văn hoá đạt tỷ lệ 100%. Trong 2 năm liên tục (2023-2024) có 4/4 thôn (Thôn An Thành, Hòa Lâm, An Hòa, Trung Đông) đạt thôn văn hoá, tỷ lệ 100%.

Có 2/4 thôn trên địa bàn xã đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt tỷ lệ 50%: Thôn An Hoà được UBND huyện ra Quyết định Công nhận thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu vào năm 2018 và được phê duyệt duy trì năm 2022. Thôn Trung Đông được UBND huyện phê duyệt xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025 tại quyết định số 6654/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 và công nhận đạt thôn nông thôn mới kiểu năm tại Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 24/4/2025.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 6 về Văn hoá.

**4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn của tiêu chí xã NTM và đồng thời có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng một phần theo hướng dẫn của Sở Công Thương hoặc đầy đủ các tiêu chí quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.

Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn của tiêu chí xã NTM và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.

Trường hợp xã không có chợ nông thôn hoặc có chợ nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét tiêu chí này.

***b) Kết quả thực hiện***

Xã Duy Trung có chợ Tây An (đổi tên từ chợ Hòa Nam) nằm trong quy hoạch phát triển mạng lưới chợ của tỉnh được quy định tại Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; chợ đảm bảo an toàn thực phẩm đáp ứng theo tiêu chí hướng dân của Sở Công thương, cụ thể:

***\* Chợ Tây An:*** Căn cứ Công văn số 1121/HD-SCT ngày 26/6/2023 của Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam hướng dẫn mô hình chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm để đánh giá, xét công nhận xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thuộc Tiêu chí số 7 – Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Chợ Tây An xã Duy Trung có 100% tiêu chí đạt mức độ A (14/14) và 92,85% tiêu chí mức độ B (13/14). Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Mức độ đánh giá (A/B)** | **Đánh giá** | **Hướng dẫn** **đánh giá** |
| **Đạt** | **Không****đạt** |
| **I** | **Yêu cầu chung** |  |
| 1 | Yêu cầu về vị trí, địa điểm |  |  |  | Đánh giá thực tế |
| - | Chợ không bị ngập nước, đọng nước | A | X |  | Đánh giá thực tế |
| - | Chợ không bị ảnh hưởng bởi các nguồn gây ô nhiễm; cách các nguồn gây ô nhiễm tối thiểu 500m | B | X |  |  |
| 2 | Yêu cầu về thiết kế |  |  |  |  |
| - | Chợ được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố | B | X |  | Đánh giá thực tế và theo thiết kế xây dựng |
|  | Sàn khu vực buôn bán thực phẩm | B | X |  | Đánh giá thực tế |
|  | Trần, mái che, tường chợ | B | X |  | Đánh giá thực tế |
| 3 | Yêu cầu về bố trí |  |  |  |  |
|  | Bố trí khu vực kinh doanh | B | X |  | Có phương án bố trí khu vực kinh doanh |
|  | Phân khu chức năng | B | X |  | Đánh giá thực tế |
|  | Tại các khu vực kinh doanh có biển hiệu thông báo | B | X |  | Đánh giá thực tế |
|  | Sơ đồ chỉ dẫn phân khu của chợ tại cửa ra vào chính | B | X |  | Đánh giá thực tế |
| 4 | Yêu cầu về nước sử dụng trong chợ |  |  |  |  |
|  | Nước sử dụng trong chợ | A | X |  | Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt hoặc hóa đơn sử dụngnước sinh hoạt hoặc phiếu kiểm nghiệm nước sinh hoạt, chứng nhận hợp quy chất lượng nước sinh hoạt. |
|  | Hệ thống cấp, thoát nước | A | X |  | Đánh giá thực tế |
| 5 | Yêu cầu đối với khu bán gia cầm sống, khu giết mổ gia cầm tập trung tại chợ (nếu có) |  |  |  |  |
|  | Tách biệt với khu bán thực phẩm khác với khoảng cách tối thiểu là 2,4m |  |  |  | Đánh giá thực tế |
|  | Đủ điền kiện đầu tư kinh doanh cơ sở giết mổ |  |  |  | Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư, kinh doanh |
| 6 | Yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy | A | X |  | Đáp ứng các yêu cầu về an toàn phòng cháy và chữa cháy heo quy địnhhiện hành. |
| 7 | Yêu cầu về vệ sinh môi trường |  |  |  |  |
|  | Thu gom rác thải | B | X |  | Giấy tờ chứng minh hoạt động thu gom rác thải định kỳ. |
|  | Trang bị thùng rác và biển thông báo | B | X |  | Đánh giá thực tế |
|  | Định kỳ tổ chức khử trùng và tiêu độc | B | X |  | Giấy tờ chứng minh |
| 8 | Yêu cầu về nhà vệ sinh |  |  |  |  |
|  | Bố trí cách biệt, tiêu dội nước tự hoại. | B | X |  | Đánh giá thực tế |
|  | Trang thiết bị trong nhà vệ sinh. | B | X |  | Đánh giá thực tế |
| **II** | **Yêu cầu đối với tổ chức quản lý chợ** |  |  |  |  |
|  | Tổ chức thực hiện nội quy kinh doanh thực phẩm tại chợ | A | X |  | Đánh giá thực tế |
|  | Kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thực phẩm | A | X |  | Có kế hoạch kiểm tra,Báo cáo kiểm tra định kỳ |
|  | Cán bộ quản lý an toàn thực phẩm tại chợ có kiến thức về an toàn thực phẩm | A | X |  | Giấy xác nhận kiến thức ATTP được cơ quan có thẩm quyền cấp |
| **III** | **Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh tại chợ** |  |  |  |  |
| 1 | Yêu cầu chung đối với các cơ sở kinh doanh tại chợ | A | X |  | Đánh giá thực tế |
| 2 | Các cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật (đánh giá theo điểm 2, mục III) | A | X |  | 100% tổng số cơ sở kinh doanh đạt thì tính tiêu chí đạt. |
| 3 | Các cơ sở kinh doanh thủyhải sản tươi sống (đánh giátheo điểm 3, mục III) | A | X |  | 100% tổng số cơ sở kinh doanh đạt thì tính tiêu chí đạt |
| 4 | Cơ sở kinh doanh rau, củ, quả (đánh giá theo mục 5.4 tạiTCVN 11856:2017) | A | X |  | 100% tổng số cơ sở kinh doanh đạt thì tính tiêu chí đạt |
| 5 | Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (đánh giá theo mục 5.5 tại TCVN 11856:2017) | A | X |  | 100% tổng số cơ sở kinh doanh đạt thì tính tiêu chí đạt |
| 6 | Cơ sở kinh doanh thực phẩm khác (đánh giá theo mục 5.6 tại TCVN 11856:2017) | A | X |  | 100% tổng số cơ sở kinh doanh đạt thì tính tiêu chí đạt |
| 7 | Yêu cầu đối với người trựctiếp chế biến, kinh doanhthực phẩm tại chợ |  |  |  |  |
|  | Người trực tiếp kinh doanhthực phẩm phải được đào tạokiến thức an toàn thực phẩm. | A | X |  | Đánh giá thực tế |
|  | Người trực tiếp kinh doanh thực phẩm có đủ sức khỏe theo quy định | A | X |  | Đánh giá thực tế |
| 8 | Yêu cầu truy xuất nguồn gốc |  |  |  |  |
|  | Sản phẩm kinh doanh tại chợ có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, bảo đảm truy xuất được nguồn gốc | B | X |  | Đánh giá thực tế |

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

**4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông.**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Chỉ tiêu 8.1:Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân

- Chỉ tiêu 8.2:Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

- Chỉ tiêu 8.3: Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- Chỉ tiêu 8.4: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ tiêu 8.5:Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng).

***b) Kết quả thực hiện:***

\* Chỉ tiêu 8.1:

+ Bưu điện Văn hóa xã Duy Trung thuộc Bưu điện huyện Duy Xuyên - Bưu điện tỉnh Quảng Nam trực thuộc Bộ Thông tin & Truyền thông quản lý, là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo luật Doanh nghiệp, Bưu điện Văn hóa xã Duy Trung được thành lập theo thông báo số 637/QĐ-QLBĐ ngày 25/9/2000 của Giám đốc Bưu điện tinh Quảng Nam chính thức đi vào hoạt động, có diện tích 200m2. Bưu điện được bố trí 01 nhân viên phục vụ: 01 nhân viên mở cửa phục vụ tại Bưu điện tối thiểu 8 giờ/ngày để phục vụ nhiệm vụ công ích; Bưu điện Văn hoá xã; có niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ; thời gian mở cửa là buổi sáng, từ 7 giờ đến 11 giờ Buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Thông tin về dịch vụ bưu chính: Bảng giá cước đối với từng dịch vụ; Quy trình giải quyết khiếu nại; Danh mục hàng cấm gửi; Thủ tục hành chính nếu cung cấp dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính,…

+ Bưu điện có trang bị hệ thống máy tính có kết nối internet, cầu đọc mã vạch. Nhân viên điểm phục vụ được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến để hỗ trợ cho người dân, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

\* Chỉ tiêu 8.2: Ngày nay đời sống của nhân dân được nâng cao, công nghệ thông tin phát triển, tổng dân số trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã là 5.683 người, trong đó dân số có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh là 4.622/5.683 người, đạt 81,3%, quy định đạt ít nhất 80%.

\* Chỉ tiêu 8.3.

+ Xã có Đài truyền thanh Ứng dụng công nghệ thông tin - Viễn thông, hoạt động tốt trên phần mềm trực tuyến (https://truyenthanhip.gtechdn.vn/). Có Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 về việc củng cố, bổ sung Ban biên tập đài truyền thanh xã Duy Trung, hoạt động đảm bảo nội dung, chất lượng tin, bài phát thanh và tiếp âm đài 3 cấp theo quy định và thực hiện chương trình phát thanh địa phương; trong năm 2024 đã thực hiện được 54 chương trình phát thanh.

+ Đài Truyền thanh xã Duy Trung hoạt động tốt với 27 Cụm thu IP 54 loa/4 thôn, đảm bảo cung cấp thông tin cần thiết đến nhân dân trong toàn xã. Đạt đủ các tiêu chí: 100% thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên. Trong năm 2024, nâng cấp, thay mới 27 Sim số bộ thu IP từ 3G nâng cấp lên 4G; hợp đồng bảo trì, sữa chữa hệ thống truyền thanh trong năm với tổng kinh phí trên 65triệu đồng.

+ Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn xã Duy Trung có phương tiện nghe, xem (Tivi, Radio) để tiếp cận thông tin là 2.283/2.293 hộ, chiếm tỷ lệ 99,5% hộ xem được 1 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua Internet.

+ Trên địa bàn xã có các địa điểm cung cấp xuất bản phẩm *(Bưu điện VH xã, Thư viện NVH xã, phòng đọc sách tại 04 nhà văn hóa thôn, thư viện trường học, các điểm bán sách báo)* để người dân thuận lợi tiếp cận và đọc các tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, văn học nghệ thuật... Có 2 điểm cung cấp xuất bản phẩm nhà sách Duy Trung của ông Lê Ngọc Hải tại thôn Hòa Lâm và Nhà sách Hồng Vân của bà Trần Thị Vân, địa chỉ 725, Hùng Vương, Thôn Trung Đông, Duy Trung, Duy Xuyên, Quảng Nam.

\* Chỉ tiêu 8.4:

+ Toàn xã có 34/34 cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã hằng năm được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt tỷ lệ 100%.

+ Trong năm 2024, xã Duy Trung đã đầu tư nâng câp hạ tầng CNTT- Đầu tư mua sắm trang thiết bị máy tính, máy in... phục vụ trong công việc chuyên môn và người dân với tổng kinh phí 350.000.000 đ. CBCC toàn xã được trang bị 33 máy tính/34 CBCC có kết nối internet (đạt tỷ lệ 97,06%), 24 máy in, và 03 máy Scan, tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và giải quyết công việc chuyên môn.

+ CBCC tiếp nhận và xử lý trên phần mềm một cửa từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 đúng hạn 1.054/1.056 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,81%. Các phần mềm chuyên môn được sử dụng như: phần mềm kế toán, phần mềm quản lý hộ nghèo, phần mềm quản lý hộ tịch, phần mềm cung cầu lao động, bảo trợ xã hộ, phần mềm bảo hiểm xã hội, khai sinh điện tử, phần mềm trẻ em, hệ thống thông tin một cửa điện tử.

+ Cán bộ công chức xử lý và giải quyết văn bản hành chính qua phần mềm Qoffice, trong năm 2024 tổng số văn bản đi trên hệ thống 971 văn bản trong đó văn bản được ký số 849/971 văn bản đạt tỷ lệ 87,44%.

+ UBND xã đã thành lập 04 Tổ công nghệ cộng đồng / 04 thôn địa bàn xã, Tổ công nghệ số cộng đồng Đoàn TN xã, Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số xã Duy Trung và xây dựng kế hoạch hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã để thông qua các hình thức trực tiếp hướng dẫn, tổ chức hướng dẫn tập trung, tập huấn, hội nghị, họp; các đợt ra quân hướng dẫn của các Hội, đoàn thể để tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân qua đó phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 70%.

+ Các đơn vị trường học, trạm y tế, đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã đều trang bị đầy đủ máy tính kết nối internet phục vụ công việc, giảng dạy và khám chữa bệnh. Bên cạnh đó xây dựng cổng thông tin điện tử của xã với địa chỉ: [www.duytrung.duyxuyen.quangnam.gov.vn](http://www.duytrung.duyxuyen.quangnam.gov.vn). Tổ chức bộ máy, cập nhật đăng tải thông tin, cập nhật thường xuyên các hoạt động của xã và nhân dân. Các đoàn thể chính trị thường xuyên đăng tải các hoạt động phong trào của xã và được nhiều con em tham gia truy cập để nắm bắt thông tin của xã nhà. Tổ chức bộ máy hành chính, thông tin liên hệ của cán bộ, công chức, thông tin địa giới hành chính, điều kiện tự nhiên, văn hóa, di tích, danh thắng, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của xã. Tin tức hoạt động của xã, thông tin tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật và hoạt động về phong trào của các tổ chức đoàn thể.

+ Sản phẩm OCOP “Quạt Gỗ Quảng Nam miền di sản” đạt 3 sao cấp tỉnh theo Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam, đã triển khai quảng bá hình ảnh lên sàn thương mại điện tử thông qua các ứng dụng Internet, Zalo, Facebook, Trang thông tin điện tử của địa phương, các trang của Báo Quảng Nam, trên Website: gomynghetranky.com

+ Thực hiện Công văn số 2534/BTTTT-KHTC ngày 30/6/2023 của Bộ Thong tin và Truyền thông về việc áp dụng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đối với chỉ tiêu 4d tại phụ lục kèm theo Quyết định 1127/QĐ-BTTTT. Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản hướng dẫn thống nhất lùi thời hạn áp dụng chỉ tiêu 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ tại điểm đ, tiêu chí 4, phụ lục 2 của Quyết định 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ thông tin và truyền thông. Do đó trên địa bàn xã Duy Trung chưa thực hiện việc gắn biển địa chỉ số đến gia đình, cơ quan, tổ chức.

\* Chỉ tiêu 8.5: Hiện nay trên địa bàn xã đã phủ sóng 3G, 4G và hệ thống cáp viễn thông internet, tại trụ sở UBND xã và nhà văn hoá 4/4 thôn đã lắp đặt Wifi miễn phí đạt tỷ lệ 100%.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông.

**4.9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở kiên cố hoặc bán kiến cố trên địa bàn xã đạt ≥ 85%.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

Từ khi thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn xã cho đến nay đời sống kinh tế, xã hội ngày càng phát triển. Thực hiện chương trình của Nhà nước về hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở đồng thời vận động từ nhiều nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân và huy động nguồn vốn tự có của nhân dân để xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ gia đình chính sách, hộ nghèo vì vậy trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát. Việc đầu tư công trình nhà ở và các công trình phụ trợ được nhân dân ngày càng chú trọng. Ngày càng có nhiều công trình nhà ở kiên cố, nhà cao tầng được xây dựng mới trong các khu dân cư, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới.

Đến nay cơ bản nhà ở của người dân đảm bảo 03 cứng: cứng nền, khung cứng, mái cứng có đủ diện tích sử dụng tối thiểu 14 m2/người, có nhà bếp và nhà vệ sinh được bố trí phù hợp. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng trên địa bàn xã là 2.287 hộ/2.290 hộ đạt tỷ lệ 99,87%.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư.

**4.10. Tiêu chí số 10 về thu nhập**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

Thu nhập bình quân chung của xã năm 2022 ≥ 52 triệu đồng/người/năm, năm 2025 ≥ 56 triệu đồng/người/năm, năm 2025 ≥ 60 triệu đồng/người/năm, năm 2025 ≥ 64 triệu đồng/người/năm.

***b) Kết quả thực hiện***

Trong những năm qua các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã ngày càng phát triển và chuyển dịch đúng hướng, thu nhập từ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, dịch vụ gia tăng hàng năm giúp nâng cao thu nhập của người dân. Đồng thời nhờ sự nổ lực vươn lên của Đảng bộ, chính quyền và toàn thể nhân dân, tìm mọi hướng đi để làm giàu, nâng cao thu nhập. Đời sống nhân dân được nâng cao về mọi mặt, mức thu nhập bình quân đều tăng hằng năm, cụ thể năm 2024: 66,7 triệu đồng/người/năm.

Dự kiến đến cuối năm 2025, thu nhập bình quân đầu người của xã đạt trên 68 triệu đồng/người/năm.

***c) Đánh giá***: Đạt tiêu chí số 10 về thu nhập.

**4.11. Tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

Xã được công nhận đạt tiêu chí nghèo đa chiều trong xây dựng NTM khi có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và cận nghèo đa chiều của xã dưới mức tối thiểu 3%.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

Công tác giảm nghèo luôn được cả hệ thống chính trị của xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước lồng ghép với các chương trình hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân như hỗ trợ vay vốn sản xuất, hỗ trợ sinh kế,... cùng với sự nỗ lực phấn đấu của chính các hộ nghèo, các hộ có hoàn cảnh khó khăn nên trong những năm gần đây tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo ngày càng giảm qua các năm. Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Duy Trung năm 2024, số hộ nghèo 27 hộ/2.545 hộ, trong đó có 25 hộ nghèo không có khả năng lao động, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là 0,08%; số hộ cận nghèo 23 hộ/2.545 hộ, trong đó có 18 hộ cận nghèo không có khả năng lao động, tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều là 0,2%. Tỷ lệ nghèo đa chiều xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là 0,28%.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều.

**4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 12.1:Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ) quy định đạt ≥ 80%.

- Chỉ tiêu 12.2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ) quy định đạt ≥30%.

***b) Kết quả thực hiện***

- Chỉ tiêu 12.1: Tổng số nhân khẩu trên địa bàn xã là: 8.164 người; dân số trong độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên là 5.683 người (trong đó lực lượng lao động: 4.511). Trong đó lao động qua đào tạo 3.611 lao động, đạt tỷ lệ 80,05%.

- Chỉ tiêu 12.2: Tổng số lao động qua đào tạo của xã năm 2024 là 3.611 lao động, trong đó lao kỹ thuật không bằng, chứng chỉ nghề là 1.575 lao động, sơ cấp 715 lao động, trung cấp 360 lao động, cao đẳng 391 lao động, đại học 570 lao động, vậy tổng số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ) là: 2.036/4.511 lao động đạt 45,13%.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 12 về Lao động.

**4.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 13.1:HTX hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định *(quy định ≥1).*

*-* Chỉ tiêu 13.2: Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

*-* Chỉ tiêu 13.3: Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm (≥1).

*-* Chỉ tiêu 13.4: Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã (Có ít nhất 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã (hoặc sản phẩm nông nghiệp chủ lực mang tính chất đặc hữu hoặc sản phẩm OCOP) được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc theo quy định) (Chỉ tiêu 13.4).

*-* Chỉ tiêu 13.5: Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện từ ≥10%.

*-* Chỉ tiêu 13.6: Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng (Có nông sản chủ lực (hoặc sản phẩm nông nghiệp chủ lực mang tính chất đặc hữu) của xã thuộc vùng nguyên liệu tập trung được cấp mã vùng).

- Chỉ tiêu 13.7: Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

- Chỉ tiêu 13.8:Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) (Có ít nhất 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả (đảm bảo ít nhất 02 tiêu chí trong các tiêu chí sau: (i) Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; (ii) tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập; (iii) giữ gìn bản sắc văn hóa; (iv) không gây ô nhiễm môi trường).

***b) Kết quả thực hiện***

- Chỉ tiêu 13.1: Hiện nay trên địa bàn xã Duy Trung có HTX NN Duy Trung I được thành lập từ năm 1978, đã chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012. HTX tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành, được đánh giá hằng năm xếp loại khá. HTX có 917 thành viên, Bộ máy HTX có Ban quản trị, Ban kiểm soát, qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hằng năm HTX đều có lãi. HTX có hợp đồng hợp tác liên kết tiêu thụ lúa giống.

- Chỉ tiêu 13.2: Hiện nay trên địa bàn xã có 1 sản phẩm OCOP được công nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao năm 2022 là sản phẩm “Quạt Gỗ Quảng Nam miền di sản” của Hộ kinh doanh Trần Kỳ. Trong những năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh khá tốt, sản phẩm “Quạt Gỗ Quảng Nam miền di sản” được quảng bá trên các sàn thương mại điện tử như Lazada, mạng xã hội như zalo, facebook..., cung ứng cho các đại lý, tạp hoá trong và ngoài tỉnh. Đặc biệt chủ thể thường xuyên tham gia các hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh để quảng bá hình ảnh thương hiệu sản phẩm từ đó sản phẩm ngày càng được nhiều người tiêu dùng biết đến, sản lượng và thu nhập tăng dần qua các năm.

**-** Chỉ tiêu 13.3: Xã Duy Trung cây trồng chủ lực là cây lúa, diện tích đất sản xuất nông nghiệp hằng năm là 695,53 ha, trong đó diện tích đất lúa là 689,69 ha. Trong những năm qua trên địa bàn xã đã triển khai mô hình nông nghiệp áp
dụng cơ giới hoá vào sản xuất, đẩy mạnh đưa cơ giới hoá vào sản xuất nông
nghiệp. Tỷ lệ cơ giới hoá được áp dựng vào khâu làm đất và khâu thu hoạch đạt tỉ lệ 100%. Việc áp dụng cơ giới hoá đã góp phần giảm bớt lao động nặng nhọc cho người nông dân, góp phần giúp khâu sản xuất, thu hoạch đảm bảo thời vụ, tăng năng suất, chất lượng, đặc biệt khâu thu hoạch sử dụng máy móc đã giảm đáng kể tổn thất, tiêu hao nông sản.

**-** Chỉ tiêu 13.4: Sản phẩm lúa được Chi cục TT&BVTV cấp mã số vùng trồng (Giấy xác nhận số 511/GXN-TT&BVTV do Chi cục TT&BVTV tỉnh cấp ngày 23/9/2024) và được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP (Giấy chứng nhận số VietGAP-TT-12-02-49-0019 do Công ty CP chứng nhận GLOBALCERT cấp ngày 30/8/2024). Sản phẩm OCOP “Quạt Gỗ Quảng Nam miền di sản” đã thực hiện truy xuất nguồn gốc bằng mã vạch theo quy định đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ chế biến sản phẩm, lưu trữ bảo quản sản phẩm.

**-** Chỉ tiêu 13.5: Các sản phẩm chủ lực của xã như: Lúa, lạc, sắn, bưởi, ổi, bò, heo, gà, keo. Hiện nay hầu hết các sản phẩm này được sản xuất và thu mua trực tiếp từ người dân, thương lái. Một số sản phẩm được người dân và các đại lý rao bán trên sàn thương mại điện tử như *https://buudien.vn/home/Goods/index.html?goods\_id=26047* và các trang mạng xã hội (Facebook, Zalo, ...). Đối với sản phẩm OCOP “Quạt Gỗ Quảng Nam miền di sản” được đăng giới thiệu rộng rãi trên ứng dụng Internet (*https://gomynghetranky.vn/),* mạng xã hội như Facebook, Zalo..*.*

**-** Chỉ tiêu 13.6: Sản phẩm chủ lực (Lúa) được Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh cấp mã số vùng trồng theo giấy xác nhận số 511/GXN-TT&BVTV ngày 23/9/2024.

- Chỉ tiêu 13.7: Hiện nay xã chưa có khu, điểm du lịch được UBND tỉnh công nhận nên không đánh giá chỉ tiêu này.

- Chỉ tiêu 13.8: Hiện nay trên địa bàn xã có 3 trang trại sản xuất hoa, cây cảnh áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại đã cung cấp cho thị trường hằng năm hơn 100.000 chậu hoa, cây cảnh các loại, tạo công ăn việc làm cho hơn 40 người dân trong vào ngoài địa phương, mô hình mang lại thu nhập khá cho các hộ sản xuất, mô hình này tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình và tạo công ăn việc làm đem lại thu nhập cao, giải quyết lao động nông thôn và không gây ô nhiễm môi trường.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

**4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 14.1:Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) đạt từ 95% trở lên.

- Chỉ tiêu 14.2: Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử.

- Chỉ tiêu 14.3: Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.

- Chỉ tiêu 14.4: Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử.

***b) Kết quả thực hiện***

- Chỉ tiêu 14.1:Trên địa bàn xã có 7.895 người/8.164 người tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 96,71%, đảm bảo theo quy định.

- Chỉ tiêu 14.2: Qua rà soát hiện nay tỷ lệ người dân được quản lý sức khoẻ trên địa bàn xã đạt tỷ lệ 96%, đảm bảo theo quy định. Trạm Y tế xã có triển khai kế hoạch thực hiện quản lý sức khỏe điện tử từ xa. Cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin đảm bảo: phòng làm việc, bàn ghế văn phòng, máy tính kết nối mạng, ứng dụng phần mềm thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử, nhân viên y tế sử dụng thành thạo phần mềm.

- Chỉ tiêu 14.3: Trạm Y tế xã có triển khai kế hoạch thực hiện khám chữa bệnh từ xa. Cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin đảm bảo: phòng làm việc, bàn ghế văn phòng, máy tính kết nối mạng, ứng dụng phần mềm thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử, nhân viên y tế sử dụng thành thạo phần mềm.

- Chỉ tiêu 14.4: Trạm Y tế xã có triển khai kế hoạch thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử. Cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin đảm bảo: phòng làm việc, bàn ghế văn phòng, máy tính kết nối mạng, ứng dụng phần mềm thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử, nhân viên y tế sử dụng thành thạo phần mềm. Tỷ lệ người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 85,17%.

**c) *Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 14 về Y tế.

**4.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 15.1:Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Chỉ tiêu 15.2:Có dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần (quy định: đạt).

- Chỉ tiêu 15.3:Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

***b) Kết quả thực hiện***

- Chỉ tiêu 15.1:

+ UBND xã triển khai ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC đạt các chỉ tiêu về ứng dụng CNTT đối với cấp xã theo quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025; quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện NQ số 16-NQ/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh uỷ về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

+ UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 về Ban hành đề án tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu công tác cải cách hành chính giai đoạn 2022-2025.

+ UBND xã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước. Năm 2023, UBND huyện Duy Xuyên đã thẩm định đề cương và dự toán mua sắm và lắp đặt hệ thống mạng LAN và thiết bị công nghệ thông tin xã Duy Trung tại báo cáo số 275/BCTĐ-TCKH ngày 05/9/2023 với tổng kinh phí 391.303.000 đ (trong đó có danh mục thiết bị công nghệ thông tin gồm 01 bộ máy tính để bàn Core i5, 06 bộ máy tính để bàn Core i3 và 01 máy tính laptop). Trong năm 2024, xã Duy Trung đã đầu tư nâng câp hạ tầng CNTT- Đầu tư mua sắm trang thiết bị máy tính, máy in... phục vụ trong công việc chuyên môn và người dân với tổng kinh phí 350.000.000 đ. CBCC toàn xã được trang bị 33 máy tính/34 CBCC có kết nối internet (đạt tỷ lệ 97,06%), 24 máy in, và 03 máy Scan, tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và giải quyết công việc chuyên môn.

+ Bộ phận TN&TKQ được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Máy vi tính, máy scan, máy in, mạng wifi tốc độ cao, mạng lan, camera an ninh theo dõi tại bộ phận một cửa. Hiện nay, UBND xã đã mua sắm, lắp đặt hệ thống mạng Lan và thiết bị công nghệ thông tin. Đã sử dụng 09 phần mềm quản lý chuyên ngành như: phần mềm kế toán, phần mềm quản lý hộ nghèo, phần mềm quản lý hộ tịch, phần mềm cung cầu lao động, bảo trợ xã hộ, phần mềm bảo hiểm xã hội, khai sinh điện tử, phần mềm trẻ em, hệ thống thông tin một cửa điện tử.

+ Hằng năm, các văn bản phát hành của UBND xã đều sử dụng chữ ký số của UBND xã và chữ ký số lãnh đạo đạt trên 80%.

- Chỉ tiêu 15.2:

+ Về công tác tuyên truyền: UBND xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền về dịch vụ công đến toàn thể nhân dân khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần. Tiếp tục phát huy sức trẻ, năng động của lực lượng Đoàn TNCSHCM, vừa qua BCH Đoàn xã đã làm tốt việc hướng dẫn hỗ trợ người dân cài đặt và kích hoạt ứng dụng VneID, kích hoạt sổ sức khỏe điện tử đồng thời đến từng nhà văn hóa thôn, từng tổ đoàn kết tuyên truyền cho người dân, tạo tài khoản trên cổng DVC quốc gia. Tập huấn hướng dẫn sử dụng máy tính cho đoàn viên và Nhân dân trên địa bàn xã. Đến nay UBND xã Duy Trung đã thành công trong việc hướng cho người dân nộp, thao tác hồ sơ trên cổng DVC quốc gia, đã có nhiều ý kiến phản hồi của công dân đánh giá hồ sơ được giải quyết nhanh chóng, thuận tiện cho người dân ở xã mà vẫn giải quyết được thủ tục hành chính, công dân không cần phải ủy quyền cho người khác làm thay, đây là một bước khởi đầu quan trọng để người dân quen dần với việc thao tác trên môi trường điện tử.

+ Hiện nay, UBND xã đã thực hiện đề án cơ chế giao doanh nghiệp BCCI đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn hồ sơ, tiếp nhận, số hóa, trả kết quả. Từ ngày 15/7/2023, UBND xã đã tiếp nhận nhân viên bưu điện về làm việc tại Bộ phận TN&TKQ của xã, giao cho nhân viên của BCCI tiếp nhận, hướng dẫn, số hóa hồ sơ, trả kết quả và thu lệ phí, đẩy mạnh việc giúp công dân thực hiện hồ sơ trên cổng DVC cũng như cập nhật hồ sơ vào phần mềm một cửa, đạt lỷ lệ cao so với kỳ trước.

+ Năm 2024, tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết trước hạn và đúng hạn 1047/1056 hồ sơ, đạt 99,15%, tỷ lệ hồ sơ DVC trực tuyến 1054/1056 đạt 99,81%.

- Chỉ tiêu 15.3:

+ UBND xã Duy Trung công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của CP về kiểm soát TTHC. Nghị định số 20/2008/NĐ-CP về tiếp nhận xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính, Nghị định 92/2017/ NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi một số điều các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC.

+ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ
chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng
quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống
thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số
61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một
cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số
107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện việc niêm yết công khai những nội dung phản ánh kiến nghị của người dân về quy định hành chính. Niêm yết công khai số điện thoại của chủ tịch UBND, các PCT UBND xã về tiếp nhận phản ánh kiến nghị của công dân về thái độ phục vụ, chất lượng giải quyết các TTHC tại bộ phận một cửa, niêm yết đường dây nóng tổng đài 1022 về tiếp nhận phản ánh kiến nghị về quy định hành chính.

+ Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định tại NĐ số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách TTHC tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021- 2030.

+ Giai đoạn 2021-2024, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số
61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính
phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị,
khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ
nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định
pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị,
khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là
không đúng hoặc vu cáo.

+ Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp
trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm 2023 và 2024 theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp loại tốt.

+ Mức độ hài lòng của người dân về giải quyết TTHC năm 2022-2024 đạt 100%, đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III điều 1 về cải cách TTHC của Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 15 về Hành chính công.

**4.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 16.1:Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.

- Chỉ tiêu 16.2:Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành *(quy định ≥90%).*

- Chỉ tiêu 16.3:Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu *(quy định ≥90%).*

***b) Kết quả thực hiện***

**- Chỉ tiêu số 16.1:**

+ Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật:

. Các chỉ tiêu 3, 4, 5, 6 thuộc Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt điểm số tối đa.

. Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật *(Mô hình Câu lạc bộ thanh niên với công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; Tổ tuyên truyền pháp luật qua hệ thống truyền thanh)**;* được UBND huyện khen thưởng tại Quyết định số 7115/QĐ-UBND ngày 12/12/2022.

+ Có mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở:

. Chỉ tiêu 2 thuộc Tiêu chí 3 “Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý” theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt điểm số tối đa.

. Huy động đội ngũ luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở… tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở.

. Có mô hình hoà giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả *(Mô hình Tổ hoà giải cơ sở kiểu mẫu)*; được UBND huyện khen thưởng tại Quyết định số 7467/QĐ-UBND ngày 16/12/2024.

**- Chỉ tiêu số 16.2:** Trong năm 2024, tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải của xã Duy Trung được hòa giải thành đạt 100% *(17/17 vụ hòa giải thành).*

**- Chỉ tiêu số 16.3:** Trong năm 2024, xã Duy Trung không có trường hợp người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có đơn yêu cầu được trợ giúp pháp lý; đạt tỷ lệ 100%.

***c)* *Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật.

**4.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 17.1:Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thuỷ sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Chỉ tiêu 17.2:Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Chỉ tiêu 17.3:Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định, quy định đạt ≥ 85%.

- Chỉ tiêu 17.4: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt ≥ 40%.

- Chỉ tiêu 17.5: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt ít nhất 50%.

- Chỉ tiêu 17.6: Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Chỉ tiêu 17.7:Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt ít nhất 80% trở lên.

- Chỉ tiêu 17.8: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt ≥ 90%.

- Chỉ tiêu 17.9: Nghĩa trang, cơ sở hoả táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Chỉ tiêu 17.10: Nghĩa trang, cơ sở hoả táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Chỉ tiêu 17.11: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt từ 4m2/người trở lên.

- Chỉ tiêu 17.12: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ≥.70%.

***b) Kết quả thực hiện***

- Chỉ tiêu 17.1: Hiện nay, trên địa bàn chưa có quy hoạch, thực hiện theo quy hoạch được cấp trên phê duyệt xây dựng khu kinh doanh, dịch vụ chăn nuôi, không có cơ sở dịch vụ giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thuỷ sản nên chỉ tiêu này được đánh giá là đạt

- Chỉ tiêu 17.2: Trên địa bàn xã có 86 cơ sở sản xuất kinh doanh, trong đó có 22 cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường đã có hồ sơ môi trường và thực hiện theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, các cơ sở còn lại không thuộc đối tượng phải có hồ sơ môi trường đã cam kết thực hiện đảm bảo vệ môi trường trong sản xuất đạt 100%: Đạt

- Chỉ tiêu 17.3: Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn xã Duy Trung được UBND xã tổ chức hợp đồng với Hợp tác xã Dịch vụ môi trường Duy Xuyên Xanh tổ chức thu gom toàn bộ rác thải trên địa bàn xã về Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Bắc Quảng Nam, huyện Đại Lộc để xử lý, năm 2024 với khối lượng: 946,715 tấn, có 2.235/2.235 hộ đăng ký thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 17.4: Trên địa bàn xã có 2.012/2.235 hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả, đạt 90 %: Đạt

- Chỉ tiêu 17.5: UBND xã đã triển khai phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn xã thông qua hoạt động tuyên truyền, vận động hoặc đưa vào quy ước, hương ước của địa phương. Các hộ dân trên địa bàn đã tiến hành phân loại CTR sinh hoạt thành 03 loại: chất thải hữu cơ được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, chôn lấp tại vườn; chất thải có thể tái chế được bán cho các đơn vị ve chai thu mua; chất thải còn lại được đơn vị thu gom đến thu gom, vận chuyển, đi xử lý, có 1.989/2.235 hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, đạt tỷ lệ 89 %: Đạt

- Chỉ tiêu 17.6: 100% chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chất thải bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom định kỳ 2 đợt/năm; chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt hộ gia đình hiện nay hầu hết người dân đều sử dụng bóng đèn led, do đó chất thải nguy hại phát sinh trong hộ gia đình chủ yếu là pin được thu gom thông qua các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn và hợp đồng đơn vị chức năng thu gom, xử lý; CTR y tế được Trung tâm y tế huyện đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV xử lý Môi trường Quảng Nam để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế đảm bảo theo quy định: Đạt.

- Chỉ tiêu 17.7: Mỗi năm có khoảng 2.448/2.577 tấn chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp đươc tái chế thành thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ, cày vùi trong đất đạt tỷ lệ 95%: Đạt

- Chỉ tiêu 17.8: Có 235/250 hộ gia đình chăn nuôi đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 93,2%: Đạt

- Chỉ tiêu 17.9: Trên địa bàn xã Duy Trung hiện trạng có nghĩa trang nhân dân Nổng Bồ phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt, quản lý chặt chẽ; đảm bảo cho người dân an táng người qua đời theo quy định. Đánh giá: Đạt chỉ tiêu này.

- Chỉ tiêu 17.10: Trên địa bàn xã không có quy hoạch xây dựng cơ sở hoả táng, nên không đánh giá tiêu chí này.

- Chỉ tiêu 17.11: Theo báo cáo của UBND xã Duy Trung diện tích đất cây xanh công cộng đạt tỉ lệ 4,18 m2/ người. Đánh giá chỉ tiêu này: Đạt.

- Chỉ tiêu 17.12: UBND xã, các hội, đoàn thể chính trị tổ chức nhiều hoạt động thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” và tuyên truyền, hướng dẫn cho bà con nhân dân phân loại các chai lọ, đồ dùng bằng nhựa phát sinh trong sinh hoạt hằng ngày thu gom riêng để bán cho các đại lý thu mua phế liệu trên địa bàn sử dụng tái chế. Còn các bao bì, vật dụng bằng nhựa khác còn lại mà không tái chế được thì tiến hành phân loại để đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định, khối lượng chất thải nhựa phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 512/512 m3 tấn/năm, đạt tỷ lệ 100%: Đạt.

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 17 về môi trường.

**4.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 18.1:Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ≥ 50%.

- Chỉ tiêu 18.2:Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày, đêm, quy định ≥ 60 lít.

- Chỉ tiêu 18.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ≥30%.

- Chỉ tiêu 18.4: Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.5:Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (quy định: không).

- Chỉ tiêu 18.6: Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thuỷ sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.7: Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch phải đạt ≥95%.

- Chỉ tiêu 18.8: Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

***b) Kết quả thực hiện***

- Chỉ tiêu 18.1: Tỷ lệ hộ dân trong xã được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung do Xí nghiệp nước sạch Duy Xuyên cung cấp đạt 7,37% (164/2.235 hộ); Tỷ lệ hộ dân trong xã được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình (máy RO, bình lọc 20L, bình lọc khác) đạt 100% (2.235/2.235 hộ).

- Chỉ tiêu 18.2: Nước sinh hoạt quy mô hộ gia đình đảm bảo cung cấp bình quân đầu người/ngày đêm là 60lít.

- Chỉ tiêu 18.3: Hiện nay trên địa bàn xã sử dụng nước sạch do Xí nghiệp nước sạch Duy Xuyên quản lý, khai thác, hoạt động hiệu quả (đạt số điểm đánh giá là 100 điểm).

- Chỉ tiêu 18.4: Hằng năm các ngành chuyên môn huyện và UBND xã tổ chức các lớp tập huấn về an toàn thực phẩm cho 99/99 cơ sở, đạt tỷ lệ 100%.

- Chỉ tiêu 18.5: Năm 2024-2025 trên địa bàn xã Duy Trung không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm.

- Chỉ tiêu 18.6: 100% cơ sở có giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.

- Chỉ tiêu 18.7: Tổng số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: 2.235/2.235 hộ, đạt tỷ lệ 100%: Đạt

- Chỉ tiêu 18.8: Trên địa bàn xã không xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã được thu gom, vận chuyển về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Bắc Quảng Nam, huyện Đại Lộc nên đánh giá đạt 100%: Đạt

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống.

**4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

- Chỉ tiêu 19.1:Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

- Chỉ tiêu 19.2: Không có công dân nơi cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camara an ninh và các mô hình (phòng, chống, tội phạm, tệ nạn xã họi; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

***b) Kết quả thực hiện***

**\* Chỉ tiêu 19.1:**

- Số lượng người Ban Chỉ huy quân sự xã đảm bảo theo quy định của pháp luật. 2/2 đồng chí Ban Chỉ huy đã qua đào tạo chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở. Đ/c Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã và là Ủy viên BCH Đảng bộ xã.

- Hằng năm Đảng ủy xã đều có Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; Ban Chỉ huy quân sự xã hằng năm có kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao và được Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện phê duyệt.

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, huấn luyện dự bị động viên, dân quân tự vệ.

- Giữ vững chi bộ quân sự có chi ủy. Trong năm không có trường hợp chi uỷ viên nào bị xử lý kỷ luật.

- Tỷ lệ đảng viên trong dân quân nòng cốt đạt tỷ lệ 25,28%; 4/4 thôn đội trưởng là Đảng viên.

- Hằng năm, thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng do UBND huyện giao đạt loại khá trở lên.

- Trong 02 năm 2023, 2024 Ban Chỉ huy quân sự xã đều đạt loại tốt trong phong trào Thi đua quyết thắng của lực lượng vũ trang huyện.

**\* Chỉ tiêu 19.2:**

- Đảng ủy xã có nghị quyết, Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. **Đạt.**

- Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. Kết quả cuối năm 2024, UBND huyện Duy Xuyên quyết định số 6967/QĐ-UBND, ngày 20/11/2024 về việc công nhận xã Duy Trung được đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư 124/BCA. Và Quyết định số 168/QĐ-BCĐ, ngày 20/11/2024 của Ban chỉ đạo PCTP, TNXH và Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, về việc phân loại phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2025, xếp loại “xuất sắc” đối với xã Duy Trung. **Đạt.**

- Không để xảy ra hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; duy trì công tác tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo đúng pháp luật; không để xảy ra hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự**. Đạt.**

 - Không để xảy ra tình trạng tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật. Không để xảy ra các hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo. **Đạt.**

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. **Đạt.**

- Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm 5% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước. **Đạt**

- Đã xây dựng các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gần với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, như: mô hình “Tổ Cựu chiến binh tự quản về ANTT; Tiếng loa an ninh; Hai giữ về ANTT; Camera an ninh; Tái hòa nhập cộng đồng; Chi hội nông dân an toàn không có tội phạm và tệ nạn xã hội;Điểm chữa cháy công cộng*”,* đã duy trì và tổ chức hoạt động thường xuyên, hiệu quả. **Đạt.**

- Không thuộc địa bàn xã phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội theo Quyết định số 8793/QĐ-BCA ngày 26/12/2023 của Bộ Công an về ban hành Tiêu chí xác định địa bàn phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội. **Đạt.**

 - Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị Tiên tiến”, không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật. **Đạt.**

***c) Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.

*(Kèm theo Biểu tổng hợp kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao trên địa bàn xã Duy Trung năm 2025).*

**5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng NTM**

5.1. Tổng vốn ngân sách Trung ương được phân bổ trực tiếp cho chương trình trong giai đoạn từ năm 2021-2024 là: **1.966.958.000 đồng**, gồm:

5.2. Tổng vốn ngân sách tỉnh được phân bổ trực tiếp cho chương trình trong giai đoạn từ năm 2021-2024 là: **850.000.000 đồng**;

5.3. Tổng vốn ngân sách huyện đã phân bổ trực tiếp cho chương trình trong giai đoạn từ năm 2021-2024 là: **365.000.000 đồng**;

5.4. Tổng vốn ngân sách xã và đóng góp của nhân dân đã phân bổ trực tiếp cho chương trình trong giai đoạn từ năm 2021-2024 và bố trí trả nợ cho các công trình đã QT DAHT giai đoạn trước là: **150.000.000 đồng**.

5.5. Tổng kinh phí nợ khối lượng chưa phân bổ các công trình xây dựng giai đoạn 2021-2024 là: **675.200.000 đồng**.

Cụ thể, năm 2022: 01 công trình; năm 2023: 01 công trình và năm 2025: 04 công trình (trong đó 01 công trình đang thi công). Do các công trình còn đang thi công và chưa có kết quả phê duyệt QT DAHT nên chưa phân bổ nguồn còn lại, cụ thể:

a) Trung ương, tỉnh chưa phân bổ: 75.000.000 đồng;

b) Cấp huyện chưa phân bổ: 278.417.000 đồng;

c) Cấp xã chưa phân bổ: 321.783.000 đồng;

5.6. Tổng số công trình thực hiện giai đoạn 2021-2024: **06 công trình**.

Trong đó:

a) Số công trình đã có quyết toán dự án hoàn thành: **0** công trình;

b) Số công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng đang trong thời gian quyết toán: **05** công trình;

c) Số công trình chuyển tiếp đang thi công, chưa bàn giao: **01** công trình;

d) Số công trình đã hoàn thành nhưng đã quá thời hạn quyết toán trên 24 tháng hoặc không đủ hồ sơ để quyết toán: **0** công trình.

5.7.Kế hoạch,giải pháp xử lý nợ đọng thuộc phần trách nhiệm của xã trong thời gian đến:

Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trái với quy định trong giai đoạn từ năm 2021-2024. Hiện nay xã đang nợ phần đối ứng thực hiện các công trình đầu tư công xây dựng nông thôn mới năm 2022, 2023, 2024 phần nợ này xã kiến nghị huyện hỗ trợ từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn xã, đồng thời sử dụng nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2025 để bổ sung thanh toán nợ. Đến tháng 12 năm 2025, UBND xã Duy Trung cam kết không có nợ đọng xây dựng cơ bản trái với quy định.

*(Kèm theo Báo cáo số …./BC-UBND, ngày …/5/2025 của Uỷ ban nhân dân xã Duy Trung có xác nhận phòng Tài chính-Kế hoạch huyện, UBND huyện).*

**6. Về kết quả xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu**

***6.1. Đối với thôn đã được công nhận đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2016-2021***

**\* Thôn An Hòa:** Được công nhận đạt chuẩn “Khu dân cư NTM kiểu mẫu” năm 2018. UBND xã lập phương án duy trì được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 7064/QĐ-UBND ngày 26/11/2024, kết quả duy trì đạt 10/10 tiêu chí.

***6.2. Đối với các thôn đã được công nhận đạt chuẩn “Thôn nông thôn mới kiểu mẫu” theo Bộ tiêu chí của giai đoạn 2022-2025***

**\* Thôn Trung Đông:** Được công nhận đạt chuẩn “Thôn NTM kiểu mẫu” năm 2024 tại Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND huyện Duy Xuyên.

***6.3. Đối với các thôn chưa được công nhận đạt chuẩn “Thôn nông thôn mới kiểu mẫu” theo Bộ tiêu chí của giai đoạn 2022-2025***

Qua đánh giá, rà soát, kết quả các thôn đạt các tiêu chí xây dựng “Thôn nông thôn mới kiểu mẫu” cụ thể:

- Thôn Hoà Lâm đang triển khai xây dựng thôn NTM kiểu mẫu được
UBND huyện phê duyệt phương án*.*

- Thôn An Thành: Đã đạt chuẩn 03/10 tiêu chí (Tiêu chí số 6, 8, 9); có
06/10 tiêu chí không đạt chuẩn (Tiêu chí số 1, 2, 3, 4, 5, 7, 10).

**7. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

Xã Duy Trung tiếp tục tập trung duy trì, nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí theo các Bộ tiêu chí quy định thực hiện giai đoạn 2022-2025. Chú trọng bám sát các nhiệm vụ tại Kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 và đã được UBND huyện Duy Xuyên phê duyệt.

**III. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ**

 - Về hồ sơ minh chứng 19 tiêu chí xã NTM nâng cao năm 2025 của Duy Trung đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 3 đến Điều 21, Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Về hồ sơ thôn NTM kiểu mẫu: Đảm bảo 02 Quyết định công nhận “Thôn nông thôn mới kiểu mẫu”, báo cáo của UBND xã Duy Trung về kết quả duy trì đạt chuẩn bộ tiêu chí “Thôn NTM kiểu mẫu” trong giai đoạn 2022-2025, có xác nhận của UBND huyện, đảm bảo yêu cầu theo Điều 23, Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Về lấy ý kiến hài lòng người dân: UBMTTQVN huyện tổ chức lấy ý kiến hài lòng người dân đảm bảo theo quy định tại Hướng dẫn 90/HD-MTTW-BTT ngày 20/9/2023 của UBTW Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

- UBMTTQVN huyện có Báo cáo số 103/BC-MTTQ-BTT ngày 07/5/2025 của UBMTTQ Việt Nam huyện về lấy ý kiến hài lòng người dân trong xây dựng xã NTM nâng cao 2025 đối với xã Duy Trung, đảm bảo yêu cầu tại Điều 24, Điều 31 Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Về hồ sơ đề nghị xét công nhận xã Duy Trung đạt chuẩn NTM nâng cao: Đảm bảo các yêu cầu tại bước 2, hoàn thiện hồ sơ theo Điều 31 Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam.

**2. Về kết quả duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn tiêu chí xã NTM**

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Duy Trung đã được UBND huyện Duy Xuyên thẩm tra đảm bảo duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%. Đảm bảo đạt chuẩn 19/19 tiêu chí theo hướng dẫn đánh giá tại Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam.

**3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Duy Trung đã được UBND huyện Duy Xuyên thẩm tra đảm đạt chuẩn tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%. Đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 3 đến Điều 21, Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam.

**4. Về kết quả xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã**

Xã Duy Trung có 02 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu và đảm bảo duy trì đạt chuẩn theo bộ tiêu chí “Thôn NTM kiểu mẫu” giai đoạn 2022-2025.

**5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới**

Không có nợ đọng không có khả năng thanh toán. Chỉ có các công trình nợ khối lượng đang trong giai đoạn tiếp tục thực hiện. Cam kết hoàn thành trong năm 2025, có xác nhận của UBND huyện.

**IV. KIẾN NGHỊ**

- Kính đề nghị Ủy ban nhân tỉnh, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh Quảng Nam tiếp tục quan tâm tạo điều kiền về kinh phí để thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao đối với xã Duy Trung và các xã khác trên địa bàn huyện trong thời gian đến.

- Quan tâm, xét công nhận xã Duy Trung đạt chuẩn các tiêu chí xây dựng xã NTM nâng cao năm 2025.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2025 đối với xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND tỉnh;- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;- UBMTTQVN huyện;- Thành viên BCĐ, VPĐP huyện;- UBND xã Duy Trung; - Lưu: VT.  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH**#ChuKyLanhDao |